

**CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG  
QUỐC DÀNH CHO CÁN BỘ CÔNG CHỨC NGÀNH HẢI QUAN  
(CƠ BẢN)**

**I. GIỚI THIỆU CHUNG**

Để đáp ứng yêu cầu của xu thế phát triển và hội nhập trong thời kì đổi mới, một trong những yêu cầu quan trọng đối với cán bộ viên chức trong thời đại hiện nay là phải đảm bảo năng lực ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu công tác. Do vị trí địa lí tiếp giáp với các tỉnh biên giới Trung Quốc, cán bộ Hải quan tại các tỉnh biên giới phía Bắc là một trong những người đầu tiên tiếp xúc, xử lý các công việc liên quan đến việc đi lại, giao thương của người dân hai nước Việt Trung. Bên cạnh đó, cơ quan Hải quan của Việt Nam cũng thường xuyên tiếp xúc, đàm phán với các đơn vị tương ứng của Trung Quốc. Chính vì vậy, việc phổ cập tiếng Trung Quốc cho cán bộ Hải quan ở một trình độ nhất định là hết sức cần thiết và cấp bách.

Với một đội ngũ cán bộ đông đảo, trên thực tế, tại các đơn vị thuộc Cục/Chi cục Hải Quan đều đã có một số cán bộ có năng lực tiếng Trung Quốc ở trình độ cao, đáp ứng được nhu cầu phiên biên dịch trong các cuộc giao lưu đàm phán cao cấp. Tuy nhiên, số cán bộ chưa được học tập tiếng Trung Quốc một cách bài bản, với nội dung học tập phù hợp với nhu cầu công việc thực tế hàng ngày còn khá lớn. **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG QUỐC DÀNH CHO CÁN BỘ HẢI QUAN (CƠ BẢN)** (sau gọi tắt là **CHƯƠNG TRÌNH**) được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu trên.

**CHƯƠNG TRÌNH** là một trong những nội dung thuộc hợp phần nhánh của đề tài cấp Nhà nước *Nghiên cứu xây dựng mô hình nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức các ngành Hải quan, Ngoại vụ, Du lịch và Biên phòng để thực thi công vụ và dịch vụ trong xu thế hội nhập quốc tế ở vùng Tây Bắc* (sau gọi tắt là Đề tài) do Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì thực hiện, nhằm phục vụ mục tiêu phát triển bền vững khu vực Tây Bắc. Vì vậy, mục tiêu và nội dung của **CHƯƠNG TRÌNH** cũng hướng tới việc hoàn thành các nhiệm vụ nghiên cứu và mục tiêu chung của Đề tài.

CHƯƠNG TRÌNH có sự liên thông với **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG QUỐC (NÂNG CAO) (DÀNH CHO CÁN BỘ HẢI QUAN)** và có sự tương quan nhất định với **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG QUỐC (CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO) (DÀNH CHO BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG)** và các chương trình tương tự về bồi dưỡng năng lực tiếng Anh cùng thuộc phạm vi Đề tài.

CHƯƠNG TRÌNH bao gồm các hợp phần cơ bản sau: Giới thiệu tổng quan về chương trình, quan điểm xây dựng chương trình, mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra cần đạt, nội dung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ, phương pháp và các hình thức dạy - học, kiểm tra đánh giá, giải thích triển khai thực hiện và tài liệu tham khảo chính.

Tổng thời lượng của CHƯƠNG TRÌNH là 135 tiết. Trong đó thời gian giảng dạy trên lớp là 105 tiết, thời gian thực hành tại đơn vị có sự hỗ trợ của trợ giảng/online là 30 tiết. Ngoài ra học viên còn phải dành thời gian hoàn thành các bài tập bắt buộc và tự chọn trong CHƯƠNG TRÌNH.

## **II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

**CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG QUỐC DÀNH CHO CÁN BỘ HẢI QUAN (CƠ BẢN)** được xây dựng theo các quan điểm sau:

1. CHƯƠNG TRÌNH thiết kế dựa trên nền tảng các kết quả nghiên cứu về giáo dục học, tâm lý học và phương pháp dạy học ngoại ngữ hiện đại; kinh nghiệm xây dựng chương trình môn Ngoại ngữ chuyên ngành của Việt Nam và quốc tế; nhu cầu và điều kiện thực tiễn công tác của cán bộ Hải quan.
2. Đảm bảo hình thành và phát triển năng lực giao tiếp tổng hợp bằng tiếng Trung Quốc cho học viên. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết thông qua việc vận dụng các kiến thức ngữ âm, chữ viết, từ vựng và ngữ pháp.
3. Đảm bảo chương trình được xây dựng trên cơ sở hệ thống chủ điểm và chủ đề. Một chủ điểm bao gồm nhiều chủ đề. Các chủ điểm và chủ đề có mối liên quan chặt chẽ với nhau, phù hợp với nhu cầu công tác thực tế của cán bộ Hải quan các tỉnh Tây

Bắc và môi trường làm việc của học viên. Hệ thống chủ điểm và chủ đề được lặp lại, mở rộng và phát triển qua các bài học.

4. Đảm bảo coi học viên là chủ thể của quá trình dạy học, giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn. Học viên cần được tham gia tích cực vào các hoạt động nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Trung Quốc trong các tình huống giao tiếp với các chủ điểm và chủ đề trong CHƯƠNG TRÌNH phù hợp với thực tiễn công tác.
5. Đảm bảo tính liên thông và tiếp nối giữa các bài trong CHƯƠNG TRÌNH và giữa chương trình cơ bản và nâng cao (sau này); đảm bảo tích hợp giữa các chủ điểm và chủ đề, tích hợp 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và dịch.
6. Đảm bảo tính linh hoạt, mềm dẻo của CHƯƠNG TRÌNH nhằm đáp ứng nhu cầu và phù hợp với từng điều kiện dạy - học tiếng Trung Quốc của từng đơn vị, từng địa phương.
7. Đảm bảo sau khi học xong CHƯƠNG TRÌNH, học viên đạt trình độ tiếng Trung Quốc bậc A2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, đáp ứng được nhu cầu công tác ở mức cơ bản, đồng thời sẵn sàng bước vào giai đoạn bồi dưỡng năng lực tiếng Trung Quốc ở trình độ nâng cao.
8. CHƯƠNG TRÌNH có thể được điều chỉnh tối đa 20% sau mỗi đợt bồi dưỡng tùy theo tình hình thực tế dạy – học.

### **III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH**

#### **III.1. Mục tiêu chung**

Chương trình cung cấp cho học viên kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ cơ bản, giúp học viên bước đầu có khả năng giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc một cách tương đối độc lập ở những tình huống giao tiếp cơ bản khi tiếp xúc với người nước ngoài trong quá trình công tác, tạo hứng thú và sự tự tin tiếp tục học tập tiếng Trung Quốc ở trình độ cao hơn.

#### **III.2. Mục tiêu cụ thể**

- Giao tiếp đơn giản bằng tiếng Trung Quốc về các chủ điểm: “Thông tin cá nhân”, “Hoạt động ở cửa khẩu”, “Hàng hoá thông quan”, “Vi phạm hải quan” và “Đối ngoại trong Hải quan” thông qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

- Có kiến thức nhập môn về tiếng Trung Quốc, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chữ viết (chữ Hán và phiên âm Latinh tiếng Trung Quốc); có những hiểu biết ban đầu về đất nước, con người và nền văn hoá Trung Quốc.

- Hình thành hứng thú với việc học tiếng Trung Quốc.

- Bước đầu hình thành phương pháp học tiếng Trung Quốc hiệu quả.

#### IV. CHUẨN ĐẦU RA CẦN ĐẠT

Kết thúc chương trình, học viên sẽ đạt được trình độ A2 (tương đương với bậc 2 trong Khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam). Cụ thể là: Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể trong công tác Hải quan. Có thể hỏi và nghe hiểu việc tự giới thiệu về nhân thân; có thể hỏi và nghe hiểu những thông tin về người khác như nơi sinh sống, người thân/ bạn bè,... Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.

##### IV.1. Chuẩn kiến thức ngôn ngữ

Ngữ âm	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nắm được cách phát âm các phụ âm đầu (thanh mẫu), vần (vận mẫu), thanh điệu và các hiện tượng biến âm thường gặp trong tiếng Trung Quốc.</li> <li>Nắm được quy tắc phiên âm Latinh tiếng Trung Quốc.</li> <li>Nắm được cách đọc thanh nhẹ và vần “er” hoá.</li> <li>Nắm được ngữ điệu của câu trần thuật, câu nghi vấn, câu cảm thán.</li> </ol>
Chữ Hán	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nắm được các nét và kết cấu cơ bản của chữ Hán.</li> <li>Nắm được nguyên tắc viết chữ Hán.</li> <li>Nắm được một số bộ thủ thường gặp trong chữ Hán.</li> <li>Nắm được một số nét chữ hoặc chữ viết tay thông dụng.</li> </ol>
Từ vựng	Nắm được nghĩa và cách dùng cơ bản của khoảng 720 từ thuộc các chủ đề đã học liên quan đến công tác Hải quan
Ngữ pháp	Nắm được các mẫu câu cơ bản gắn với những chức năng giao tiếp trong CHƯƠNG TRÌNH.

##### IV.2. Chuẩn kỹ năng ngôn ngữ

<b>Nghe</b>	1. Nghe hiểu những phát ngôn đơn giản có tốc độ chậm, phát âm chuẩn xác, rõ
-------------	---

	<p>ràng hoặc gần chuẩn.</p> <p>2. Nghe hiểu được những thông tin, chỉ lệnh đơn giản với tốc độ chậm, phát âm chính xác hoặc gần chính xác.</p> <p>3. Nghe hiểu được những đoạn hội thoại rất ngắn, cấu trúc rất đơn giản, tốc độ nói chậm và rõ ràng về các chủ điểm như thông tin cá nhân; công tác kiểm tra hành lí, hàng hoá; thông quan hàng hoá; nghiệp vụ hải quan v.v...</p>
<b>Nói</b>	<p>1. Phát âm rõ ràng, chuẩn xác những từ, cụm từ và các cách diễn đạt đã học.</p> <p>2. Biết dùng từ, cụm từ, câu đơn giản để giới thiệu về bản thân, kiểm tra hành lí, hàng hoá, nghiệp vụ hải quan, hoặc để nói về người hay sự vật, hiện tượng gần gũi với công việc.</p> <p>3. Có thể giao tiếp ở mức độ đơn giản với tốc độ nói chậm và thường xuyên phải yêu cầu người đối thoại với mình nhắc lại hay diễn đạt lại.</p> <p>4. Có thể hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản, đưa ra và trả lời những câu lệnh đơn giản về các chủ đề cá nhân cơ bản, kiểm tra hành lí, hàng hoá, thông quan hàng hoá, nghiệp vụ hải quan v.v....</p>
<b>Đọc</b>	<p>1. Đọc hiểu được những từ, cụm từ, câu đơn giản thuộc các chủ điểm, chủ đề đã học.</p> <p>2. Đọc hiểu được sơ bộ nội dung của những văn bản ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc, gần gũi với bản thân, đặc biệt là khi có minh hoạ kèm theo.</p> <p>3. Đọc hiểu được những chỉ dẫn đơn giản ở nơi công cộng và khu vực biên giới.</p> <p>4. Đọc hiểu nội dung đơn giản trong các văn bản quy định hoặc các tờ khai về hàng hoá, thông số cơ bản hàng hoá, thông quan hàng hoá, tờ khai Hải quan, hoá đơn thương mại v.v...</p>
<b>Viết</b>	<p>1. Biết viết chữ Hán đúng nét, đúng quy tắc. Viết được các từ, cụm từ và câu đơn giản.</p> <p>2. Có thể chép lại những từ đơn hay văn bản ngắn được trình bày dưới dạng in chuẩn hoặc viết tay chuẩn.</p> <p>3. Viết được những thông tin ngắn bằng những câu đơn giản để miêu tả bản thân, đơn vị, gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và các thông tin, quy định cơ bản trong Hải quan.</p> <p>4. Có thể viết, đáp lời một tin nhắn, điền các bảng, biểu mẫu đơn giản, cung cấp</p>

	thông tin cá nhân bằng văn bản v.v...
--	---------------------------------------

**V. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

**Trình độ CƠ BẢN**

Chủ điểm	Chủ đề	Nội dung		Hình thức tổ chức môn học theo tiết		
		Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ	Thực tiếp	Thực tuyến	Tự học
<b>Bài mở đầu</b>		Nhập môn: - Giới thiệu nội dung chương trình, hình thức và phương pháp dạy – học, yêu cầu về kiểm tra đánh giá. - Khái quát về tiếng Hán. - Giới thiệu về ngữ âm tiếng Hán - Một số nét cơ bản trong tiếng Hán - Một số qui tắc cơ bản viết chữ Hán		12	5	18
Thông tin cá nhân	Giới thiệu bản thân	- Chào hỏi - Giới thiệu tên - Giới thiệu gia đình	- Luyện thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu - Qui tắc viết phiên âm trong tiếng Hán - Một số đại từ nhân xưng cơ bản - Số đếm (1-10) - Câu vị ngữ động từ - Các dùng của từ “了” - Cách dùng của từ “在” - Câu chữ “有” - Cách sử dụng của từ “呢” khi dùng trong câu rút gọn - Lượng từ “口” - Câu hỏi dùng đại từ nghi vấn “几”	9	2	18
	Giới thiệu sở thích	- Giới thiệu sở thích - Hỏi về sở thích của đối	- Cách phát âm thanh nhẹ, vần cong lưỡi “er” - Từ chỉ thời gian, sở thích cá nhân	9	2	18

Chủ điểm	Chủ đề	Nội dung		Hình thức tổ chức môn học theo tiết		
		Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ	Trực tiếp	Trực tuyến	Tự học
		phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu hỏi dùng đại từ nghi vấn “哪儿” và “什么”</li> <li>- Câu hỏi dùng “吗”</li> <li>- Phó từ phủ định “不”</li> <li>- Cách sử dụng của “好吗”, “A 跟 B 一块儿 / 一起 V+O”, “吧”</li> <li>- Câu vị ngữ danh từ</li> <li>- Trợ từ kết cấu “的” và định ngữ</li> <li>- Câu chữ “是”</li> </ul>			
Hoạt động ở cửa khẩu	Kiểm tra hành lí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách yêu cầu hành khách mở va li hành lí</li> <li>- Một số quy định của Hải quan về hành lí xách tay</li> <li>- Sử dụng câu đề nghị yêu cầu đối phương làm một việc gì</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biến điệu của thanh ba, “一”, “不”</li> <li>- Ngữ điệu câu trần thuật</li> <li>- Số đếm (trên 10)</li> <li>- Cách sử dụng của lượng từ</li> <li>- Bỏ ngữ kết quả</li> <li>- Câu nghi vấn chính phủ</li> </ul>	9	2	18
	Kiểm tra hàng hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khai thông tin hàng hoá</li> <li>- Một số giấy tờ cần dùng khi khai Hải quan</li> <li>- Một số cách thức kiểm tra hàng hoá</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ điệu câu trần thuật, cảm thán, nghi vấn</li> <li>- Tên một số loại hàng hoá thường xuất/nhập khẩu vào Việt Nam</li> <li>- Câu vị ngữ hình dung từ</li> <li>- Cách sử dụng trợ động từ</li> <li>- Cách sử dụng của “有一点儿” và “有点儿”</li> <li>- Từ nối “不但……而且……”</li> </ul>	9	2	18
<b>Bài ôn tập 1 và</b>		Ôn tập các kiến thức đã học và chữa bài tập và kiểm tra vấn đáp		6	3	18



Chủ điểm	Chủ đề	Nội dung		Hình thức tổ chức môn học theo tiết		
		Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ	Trực tiếp	Trực tuyến	Tự học
<b>kiểm tra giữa kì</b>						
Hàng hoá thông quan	Hệ thống thông quan hàng hoá tự động	- Quy trình thông quan điện tử - Thủ tục và các bước thông quan điện tử	- Trọng âm từ, ngữ điệu câu cảm thán - Nghĩa của một số bộ thủ/chữ Hán - Cách sử dụng phó từ “在” - Giới từ: “给”, “在”, “跟” - Cách sử dụng “有一点儿” và “一点儿” - Cụm từ chỉ sự tăng tiến “越来越……”	9	2	18
	Thông quan hàng hoá luồng xanh	- Thủ tục thông quan hàng hoá luồng xanh - Ủy quyền cho đại lí làm thủ tục thông quan	- Cách dùng từ, dùng câu - Cách sử dụng từ “再说”, “原来如此” - Cụm từ “又……又……” - Từ nối biểu thị nguyên nhân kết quả “因为……所以……”	9	2	18
Nghị vụ Hải quan	Một số thiết bị thường dùng trong Hải quan	- Hướng dẫn khách đi qua máy quét, máy chiếu - Hướng dẫn khách đưa hành lí lên dây chuyền máy quét. - So sánh để lựa chọn: Biết cách biểu đạt thông qua so sánh để lựa chọn một phương án tốt hơn.	- Ngữ điệu câu đề nghị, mệnh lệnh - Từ ngữ chỉ các thiết bị đơn giản như máy soi, máy quét v.v... - Cách sử dụng của cụm từ “太……了”, giới từ “从” - Câu kiêm ngữ	9	2	18
	Khai sai	- Một số quy định về mẫu hàng	- Ngữ điệu, ngừng ngắt trong câu	9	2	18

Chủ điểm	Chủ đề	Nội dung		Hình thức tổ chức môn học theo tiết		
		Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ	Trực tiếp	Trực tuyến	Tự học
	mã hàng hoá	hoá - Giải thích cho khách về việc khai sai mã hàng hoá - Bổ sung thông tin hàng hoá	- Kết cấu chữ hợp thể - Hàm ý văn hoá của một số chữ Hán - Danh từ thuộc các chủ đề tương ứng (hàng hoá, giao thông...) - Cách sử dụng của cụm từ “有的是……, 有的是……” - Câu so sánh bằng hoặc không bằng “A 跟 B 一样 / 不一样”			
<b>Bài ôn tập 2</b>		Ôn tập các kiến thức đã học, chữa bài tập, giải đáp thắc mắc		9	3	18
<b>Kiểm tra cuối khoá</b>		Kiểm tra viết và vấn đáp		6	3	12
<b>Tổng thời lượng (số tiết)</b>				<b>105</b>	<b>30</b>	<b>210</b>

## VI. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Phương pháp chủ đạo trong CHƯƠNG TRÌNH là đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp (*Communicative Language Teaching*). Mọi kiến thức ngôn ngữ đều được dạy lồng ghép trong các bài hội thoại và luyện tập nghe, nói, đọc, viết, với phương châm những kiến thức ngôn ngữ Trung Quốc tương tự tiếng Việt mặc định học viên sẽ tự tiếp nhận, không cần giải thích. Những kiến thức khác với tiếng Việt sẽ được giới thiệu thông qua 3 nội dung: cấu trúc, ý nghĩa và ngữ cảnh thường dùng, trong đó có ngữ cảnh xuất hiện trong bài hội thoại. Từ vựng hoá và cấu trúc hoá tối đa các hiện tượng ngữ pháp. Kiến thức về ngữ âm và chữ Hán được giới thiệu tập trung ở Bài mở đầu. Các bài học sau chỉ được nhắc lại trong quá trình luyện kỹ năng giao tiếp, không đặt thành một mục giảng dạy riêng biệt. Giáo viên giữ vai trò tổ chức, hướng dẫn quá trình học tập của học viên. Học viên là chủ thể năng động của hoạt động học. Hoạt động học là trung tâm của quá trình dạy học (*learning-centered approach*).

### 1. Vai trò của giáo viên

Giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn hoạt động dạy học. Giáo viên cần hiểu rõ đặc điểm tâm lý và năng lực của người học trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập. Giáo viên cần có sự hiểu biết về đặc điểm của địa phương, đặc trưng của vùng/miền để áp dụng các phương pháp dạy học phù hợp.

Giáo viên coi học viên là những chủ thể tích cực tham gia vào quá trình học tập. Giáo viên tạo cơ hội và dành thời gian cho học viên sử dụng ngôn ngữ trong các ngữ cảnh, tình huống thiết thực với cuộc sống và công việc hàng ngày của học viên. Giáo viên khuyến khích học viên vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) trong các hoạt động giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) liên quan đến công việc của học viên.

Giáo viên sử dụng phối hợp các phương pháp dạy học giao tiếp ngôn ngữ phù hợp với đối tượng học viên và điều kiện học tập ở địa phương. Thông qua các phương pháp dạy học, giáo viên giúp học viên hình thành và phát triển phương pháp học tiếng Trung Quốc hiệu quả để tiếp tục tự học, tự nghiên cứu.

Giáo viên sử dụng các đồ dùng, thiết bị dạy học hiện đại, hướng dẫn học viên sử dụng tài liệu và phương tiện học tập như sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, học liệu

điện tử, đồ dùng, thiết bị nghe nhìn, thiết bị điện tử, ICT, mạng Internet, ... trong quá trình học để nâng cao hiệu quả dạy học. Tạo cơ hội tối đa để học viên sử dụng tiếng Trung Quốc trong và ngoài lớp học.

## 2. Vai trò của học viên

Học viên là chủ thể tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo vào quá trình dạy học. Trên cơ sở nắm bắt kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), học viên tham gia rèn luyện kết hợp các kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trên nền ngữ cảnh và tình huống giao tiếp trong môi trường công tác của ngành Hải quan. Mức độ hình thành các kỹ năng giao tiếp thể hiện thông qua:

- Kỹ năng giao tiếp ngôn bản (nghe, nói), trong đó khả năng tương tác trong môi trường làm việc của ngành là trọng tâm.
- Kỹ năng giao tiếp văn bản (đọc, viết), trong đó khả năng đọc hiểu, tóm lược thông tin, hoàn thành một số biểu mẫu, văn bản cơ bản thuộc ngành là quan trọng.
- Tăng cường kỹ năng hợp tác nhóm và khả năng sáng tạo, tự nghiên cứu.

Trong quá trình học tập, học viên nắm bắt các phương pháp học tiếng Trung Quốc, biết cách sử dụng tài liệu học tập như sách giáo khoa, học liệu điện tử, đồ dùng học tập, thiết bị điện tử, ICT, mạng Internet, ... để nâng cao hiệu quả học tập. Học viên từng bước định hướng học tập và làm việc độc lập, tăng cường khả năng đánh giá và tự đánh giá để không ngừng củng cố và phát triển kiến thức, nâng cao năng lực công tác.

## 3. Hoạt động học

Hoạt động học là trung tâm của quá trình dạy học. Trên cơ sở xác định mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, các phương pháp, qui trình dạy học và đánh giá năng lực giao tiếp tiếng Trung Quốc được lựa chọn và triển khai phù hợp cho đối tượng học viên là cán bộ ngành Hải quan. Hoạt động học được thực hiện thông qua hoạt động giao tiếp (*Activity-based learning*), nhiệm vụ giao tiếp (*Task-based learning*) và học tập theo dự án (*Project-based learning*).

Hoạt động được tổ chức thông qua việc tái hiện ngữ cảnh giao tiếp tại nơi làm việc của học viên với các hoạt động tương tác, các hình thức hoạt động cá nhân, theo cặp/nhóm và cả lớp. Hoạt động học được tiến hành trên cơ sở quá trình tương tác giáo viên - học viên, học viên – học viên, học viên - sách giáo khoa và các nguồn học liệu khác (bao gồm cả học liệu điện tử), thông qua các chủ điểm, chủ đề, nhiệm vụ, tình

huống giao tiếp đa dạng về nội dung và hình thức. Các hoạt động giao tiếp kể trên đều tính đến năng lực học tập, khả năng triển khai công việc của đối tượng học viên có kinh nghiệm sống và có nền tảng học vấn như cán bộ của ngành Hải quan. Do đó, các hoạt động hoạt động học theo nhiệm vụ, dự án và tự học được chú trọng.

## VII. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

### VII.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn học

Hình thức	Mục đích kiểm tra	Trọng số	Điểm
<i>Đánh giá thường xuyên</i>			
Bài kiểm tra tiến bộ số 1	Đánh giá mức độ tiến bộ của học viên ở các kỹ năng Đọc, Viết và Ngữ pháp-Từ vựng - Ngữ âm, Nói	30%	
<i>Đánh giá kết thúc học phần</i>			
Bài thi kết thúc	Đánh giá, xác định học viên đạt được nội dung và kiến thức theo mục tiêu chương trình	70%	

### VII.2. Dạng thức đề thi

#### 1. Bài kiểm tra tiến bộ số 1

- Hình thức: Vấn đáp và vở ghi hoặc vở bài tập
- Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra.
- Bài kiểm tra vấn đáp kéo dài 12 phút/học viên.

<i>Phần</i>	<i>Mục đích kiểm tra</i>	<i>Hình thức kiểm tra</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Biểu điểm</i>
I	Ngữ âm, văn tự	- Đọc một đoạn hội thoại liên quan đến các tình huống đã học. - Yêu cầu: nhận được mặt chữ, phát âm đúng, đọc đúng ngữ điệu câu hỏi, câu trả lời...	2 phút	2 điểm
II	Từ vựng, ngữ pháp	- Dùng từ, ngữ, cấu trúc ngữ pháp cho trước đặt câu theo ngữ cảnh thực thi công vụ.	4 phút	3 điểm

		- Yêu cầu: Đặt câu đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ cảnh		
III	Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết	- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi theo nội dung bài đọc. - Nghe và trả lời vấn đáp các tình huống như trong thực thi công vụ được giáo viên nêu tại chỗ. - Nộp vở ghi hoặc vở bài tập theo yêu cầu trước 01 ngày để giáo viên đánh giá.	6 phút	5 điểm
<b>Tổng thời gian</b>			<b>12 phút</b>	<b>10 điểm</b>

2. Bài kiểm tra cuối khóa học

- Hình thức: viết, nói
- Bài kiểm tra viết kéo dài 120 phút; bài kiểm tra Nói kéo dài 5-7 phút
- Dạng thức đề thi như sau:

Môn thi, Thời gian	Định dạng bài thi	Mục đích
<b>1. Nghe</b> ≈ 25 phút	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn phương án trả lời đúng</li> <li>- 25 câu/3 phần</li> <li>- <i>Phần 1:</i> Nghe hội thoại ngắn</li> <li>- <i>Phần 2:</i> Nghe hội thoại có độ dài vừa phải</li> <li>- <i>Phần 3:</i> Nghe bài nói chuyện dài <b>có tốc độ chậm rãi</b></li> </ul>	Đánh giá khả năng nghe hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt được thông tin theo yêu cầu trong đề
<b>2. Đọc</b> 30 phút	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn phương án trả lời đúng</li> <li>- 30 câu/3 đọc</li> <li>- Các bài đọc có các chủ đề khác nhau</li> <li>- Mỗi bài đọc có độ dài từ <b>200-250</b> từ</li> </ul>	Đánh giá kỹ năng đọc hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt các thông tin theo yêu cầu của đề thi.
<b>3. Viết</b> 40 phút	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết 2 bài</li> <li>- <i>Bài 1:</i> Viết lại câu/ sắp xếp các từ/cụm từ thành câu/ chọn câu tương đương.</li> <li>- <i>Bài 2:</i> Viết văn bản ngắn.</li> </ul>	Đánh giá khả năng viết ở cấp độ câu và văn bản theo chủ đề yêu cầu.

<p><b>4. Nói</b> 5-7 phút</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phỏng vấn trực tiếp không có chuẩn bị trước</li> <li>- <i>Phần 1:</i> Chào hỏi và giới thiệu bản thân</li> <li>- <i>Phần 2:</i> Giao tiếp theo tình huống</li> </ul>	<p>Đánh giá khả năng diễn đạt ngôn ngữ đích của thí sinh thông qua giao tiếp trực tiếp với giám khảo, giao tiếp theo tình huống.</p>
-----------------------------------	---	--

**VII.3. Lịch thi, kiểm tra**

TT	Hình thức kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Ghi chú
1	Bài kiểm tra tiến bộ số 1	Sau nội dung 5	
3	Bài kiểm tra cuối khóa học	Từ 1 - 4 tuần sau khi kết thúc khóa học	

**VIII. GIẢI THÍCH VỀ VIỆC TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH**

Xuất phát từ đặc điểm về đối tượng học, mục tiêu, nội dung học tập, việc triển khai CHƯƠNG TRÌNH cần được tiến hành trên các phương diện sau:

**1. Giáo viên**

- Số lượng giáo viên được bố trí phù hợp để giảng dạy toàn bộ chương trình đề ra. Giáo viên phải đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tiếng Trung Quốc theo qui định của Bộ giáo dục, có nghiệp vụ sư phạm phù hợp với đối tượng cần giảng dạy.
- Giáo viên phải được tập huấn đầy đủ để triển khai Chương trình. Đối với giáo viên đã đạt chuẩn nghiệp vụ, công tác bồi dưỡng giáo viên cần được tổ chức thường xuyên để thực hiện đúng mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học do chương trình qui định. Giáo viên cần được tập huấn về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sử dụng các trang thiết bị hiện đại trong dạy học.
- Phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng nhu cầu giảng dạy. Thường xuyên bồi dưỡng và hỗ trợ giáo viên trong công tác giảng dạy, kiểm tra-đánh giá thường xuyên, định kì theo định dạng chung, qua đó đánh giá năng lực tiếng Trung Quốc của học viên có đáp ứng được yêu cầu công việc thực tế hay không.

**2. Cơ sở vật chất**

- Đảm bảo đầy đủ sách giáo khoa (sách học viên, sách giáo viên, tài liệu tham khảo) cho giáo viên và học viên.

- Đảm bảo đủ trang thiết bị tối thiểu hỗ trợ việc dạy học tiếng Trung Quốc (thiết bị nghe nhìn, bảng tương tác, học liệu điện tử, máy tính cá nhân, hệ thống mạng điện tử, ...).
- Đảm bảo đầy đủ thời lượng học tập cho học viên theo chương trình.

### 3. Quản lí chỉ đạo

- Đảm bảo đủ thời lượng dạy học trên lớp và thực hành có hướng dẫn. CHƯƠNG TRÌNH được thiết kế theo kế hoạch dạy học với thời lượng 135 tiết, trong đó 105 tiết học trên lớp và 30 tiết thực hành (bao gồm cả số tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá).
- Xây dựng đội ngũ chuyên viên quản lí, tổ chức thực hiện CHƯƠNG TRÌNH nhằm đảm bảo khả năng hỗ trợ tốt cho đội ngũ giáo viên trong quá trình dạy học.
- Số lượng học viên cho một lớp học không vượt quá quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nắm được nghiệp vụ căn bản của ngành Hải quan.
- Tổ chức tập huấn giáo viên về tích hợp ứng dụng công nghệ thông tin vào việc dạy học ngoại ngữ.

### 4. Môi trường học tập

- Tạo môi trường học tập đa dạng, phong phú để học viên có thể tham gia vào các hoạt động giao tiếp tiếng Trung Quốc có ý nghĩa.
- Hình thức dạy học trực tiếp: Tại lớp học, giáo viên cùng học viên tạo các tình huống giao tiếp như môi trường công tác thật, học viên phân vai giao tiếp nhằm luyện tập các kĩ năng ngôn ngữ theo nội dung bài học. Giáo viên có thể nhập một trong các vai giao tiếp để làm mẫu hướng dẫn học viên.
- Hình thức dạy học trực tuyến: Với sự hỗ trợ của các phương tiện nghe nhìn, điện thoại thông minh, học viên có thể tự tải về nội dung bài học để luyện nghe, luyện nói, luyện đọc lại chính các nội dung bài học trực tiếp. Đồng thời học viên có thể lập nhóm giao lưu luyện tập kĩ năng giao tiếp quanh nội dung bài học. Giáo viên cũng là thành viên của nhóm giao lưu để theo dõi, đánh giá và kịp thời chỉnh sửa cho học viên khi cần thiết hoặc giải đáp các thắc mắc của học viên.
- Hình thức tự học: Học viên có thể tự học cá nhân hoặc trực tiếp quan sát đồng nghiệp có trình độ tiếng Trung Quốc tốt hơn mình tại nơi thực thi công vụ. Trong điều kiện cụ thể có thể thực hành giao tiếp khi chính bản thân thực thi công vụ. Trong quá trình



quan sát hoặc thực hành giao tiếp, học viên cần ghi chép lại những nội dung, câu hỏi cần trao đổi thảo luận với đồng nghiệp và giáo viên.

## IX. TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*.
- [2]. Các chương trình tiếng Trung Quốc trình độ A1, A2
- [3]. Các tài liệu giảng dạy tiếng Trung Quốc trình độ A1, A2
- [4]. American Language Course. Defense Language Institute – English Language Center.
- [5]. Oxeden, C. & Latham-Koenig, C. (2012). *New English File Elementary Student’s Book*. OUP.
- [6]. Websites: <http://policeacademy.gov.ge/frontex/basic/Home/Home.html>
- [7]. Các tài liệu đã và đang giảng dạy thực hành tiếng Trung Quốc mọi cấp độ cho Hải quan ở địa phương và ở các trường đào tạo (bao gồm cả các tài liệu tự học như sổ từ, các mẫu câu cơ bản, các tình huống giao tiếp cơ bản, nâng cao...)
- [8]. Các tài liệu về yêu cầu cụ thể của Hải quan sau khảo sát thực tế.